

Số: TVHN-248/AGIA

An Giang, ngày 05 tháng 9 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên dần.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước đang lên nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên nhanh, biên độ nước lên từ 10-20cm so với ngày trước; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/9 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 15-40cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 10-80cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 04/9 thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-20cm; mực nước thấp cao hơn cùng kỳ năm 2024 từ 10-20cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 15-55cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên dần, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/9 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-60cm. Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, mực nước cao nhất và thấp nhất đều ở mức xấp xỉ và cao hơn từ 40-45cm so với cùng kỳ năm 2024, thấp hơn từ 60-75cm so với TBNN.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước lên theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 04/9 ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-10cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Do ảnh hưởng lượng nước lũ sông Mekong truyền về nên mực nước trên các sông, kênh lên nhanh trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước cao nhất và thấp nhất lên nhanh theo triều biển Đông trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch lên dần trong những ngày tới, biên độ nước lên trung bình các trạm từ 03-05cm/ngày.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên dần theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 06/09/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 04/09						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			05/9	06/9	07/9	08/9	09/9	05/9	06/9	07/9	08/9	09/9
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	227	41	-82	267	26	-60	281	294	302	310	316	237	245	255	267	281
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	133	19	-42	215	2	-3	230	241	250	260	268	140	148	158	170	184
Hậu	Khánh An	420	470	520	364	39	-23	375	42	-11	381	387	395	405	417	376	383	389	397	407
	Châu Đốc	300	350	400	182	16	-77	234	-2	-48	246	256	266	274	280	190	198	208	220	234
	Long Xuyên	190	220	250	89	3	-17	196	-16	12	210	221	231	239	245	92	100	110	122	136
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	141	14	-55	214	-5	-20	229	241	250	260	268	147	155	165	177	191
Vinh Tế	Xuân Tô	300	350	400	166	40	-63	173	43	-72	179	185	192	199	207	174	180	186	193	200
	Vinh Gia	200	240	280	74	-4	-44	75	-8	-58	77	79	82	85	89	75	77	79	82	85
	Vinh Điều	170	200	230	65	-6	-6	75	-4	-12	76	78	80	83	86	66	68	70	73	76
T3	Vinh Phú	150	180	210	65	-15	-11	72	-15	-11	73	75	77	80	83	66	68	70	73	76
T5	Nông Trường	160	190	220	74	-11	-9	80	-12	-9	81	83	85	88	91	75	77	79	82	85
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	112	5	-44	116	0	-44	119	124	129	135	141	113	116	121	126	132
	Cô Tô	140	180	220	109	-4	-9	114	-6	-7	115	117	119	121	124	110	111	113	115	118
	Nam Thái Sơn	90	120	150	76	-6	-	80	-11	-	81	82	84	86	89	77	79	81	83	86
Tám Ngán	Lò Gạch	170	210	250	75	-5	-46	78	-8	-50	79	81	83	86	90	76	78	80	82	85
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	120	-4	-4	131	-7	7	132	135	138	143	148	122	126	130	136	142
Núi Chóc Năng Gù	Vinh Hanh	190	230	270	152	7	-23	174	3	-14	177	180	185	190	196	154	158	162	168	174
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	109	-4	-19	124	-14	-12	126	129	132	137	142	111	115	119	125	131
	Tân Thành	120	150	180	85	-12	2	98	-12	5	99	101	103	105	107	86	88	90	92	94
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	71	-6	10	77	-9	8	78	80	81	82	84	72	74	76	78	80
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	9	10	14	50	-8	-1	51	53	55	57	59	8	10	8	6	3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-9	3	10	61	-13	5	67	73	81	87	88	-14	-22	-28	-34	-38

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





